



CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 2/2025

CTCP Bia Hà Nội - Thanh Hóa

Ngày 30/06/2025	10,800 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	2.1%	3.1%	-4.1%

DT thuần Q2/25
451
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 130 40.4%
YoY: ▲ 11.0 2.4%

LN thuần Q2/25
-18.7
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 4.00 17.5%
YoY: ▼5.80 -45.2%

LN sau thuế Q2/25
2.62
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 9.64 137%
YoY: ▼1.10 -29.7%

Tỷ suất lãi EBIT Q2/25
0.6%
YoY: +/-▲ 2.8%

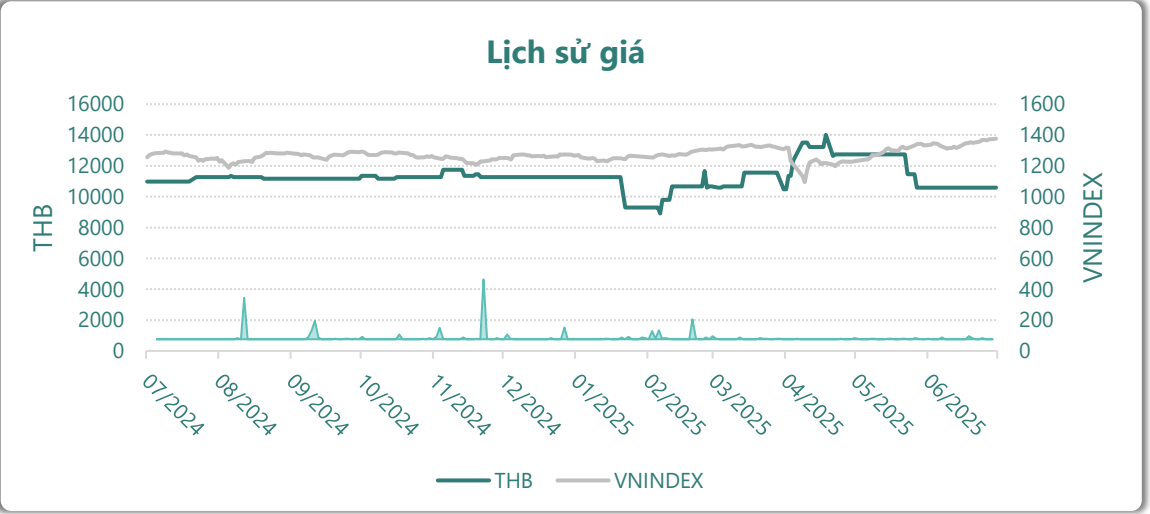
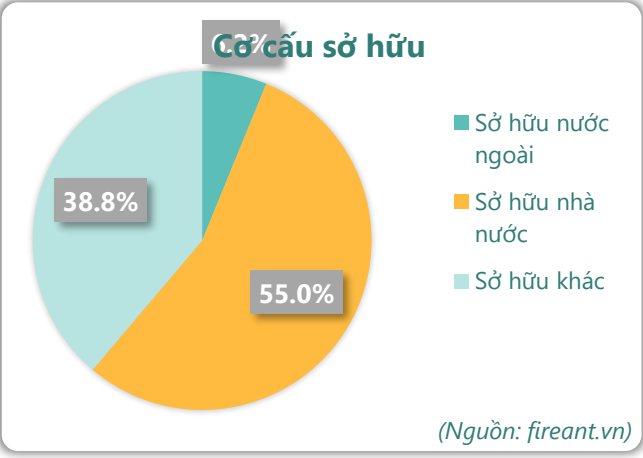
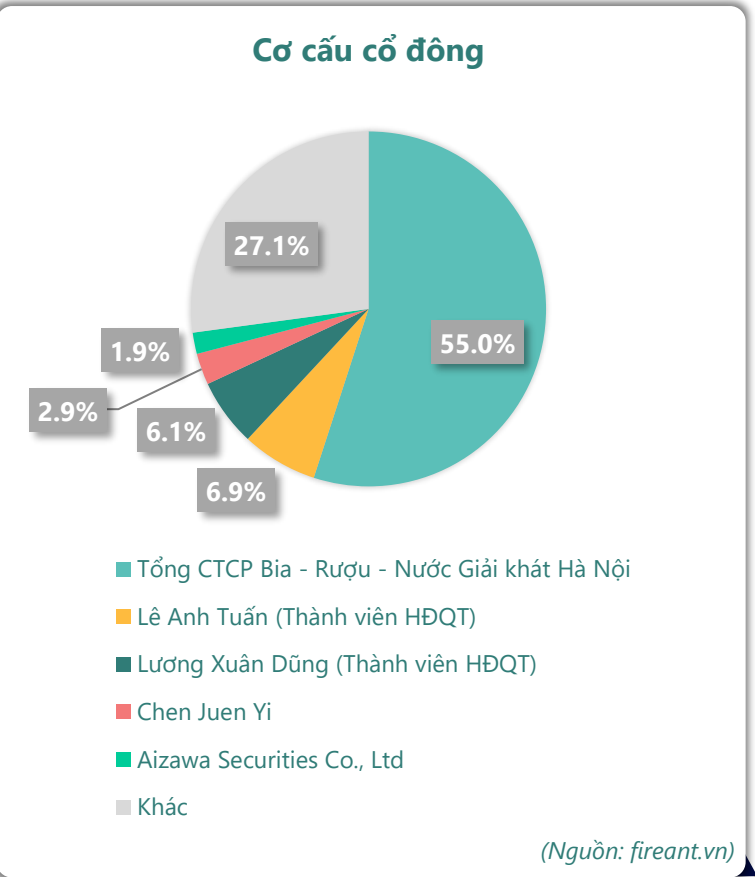
ROE (TTM) Q2/25
2.3%
YoY: +/-▼ 0.8%

Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	8,912 - 14,005
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	123
Số lượng CPLH (CP)	11,424,570
KLGD BQ 20 phiên (CP)	
Sở hữu nước ngoài	6.2%
Beta	(0.20)
EPS	292
P/E	37.0

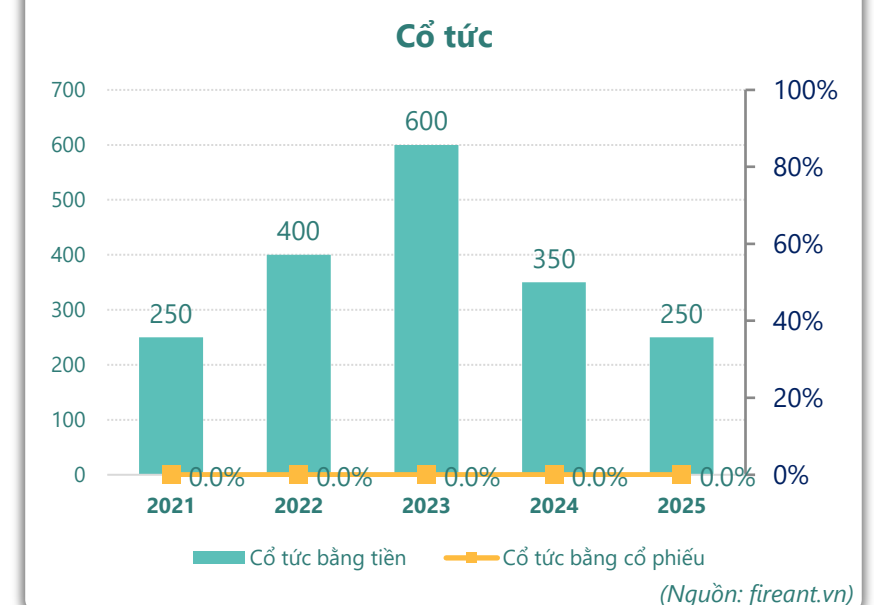
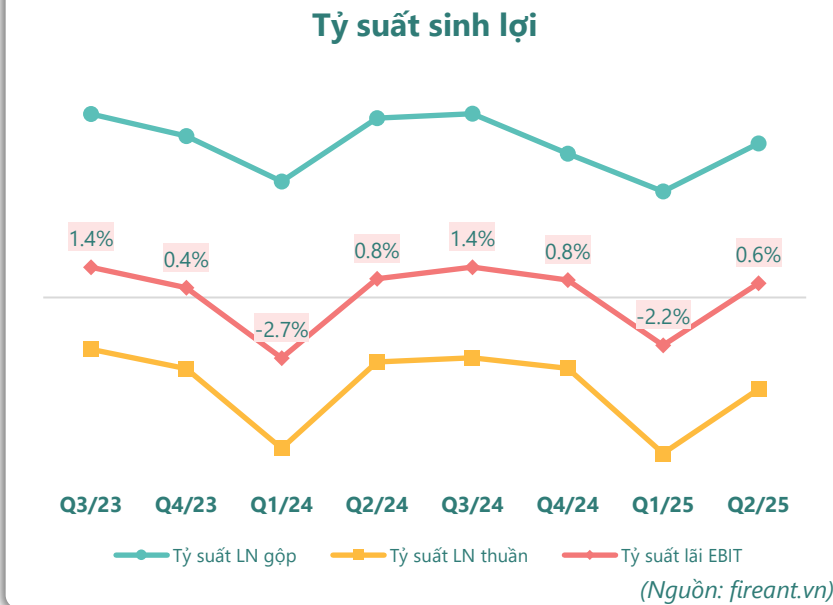
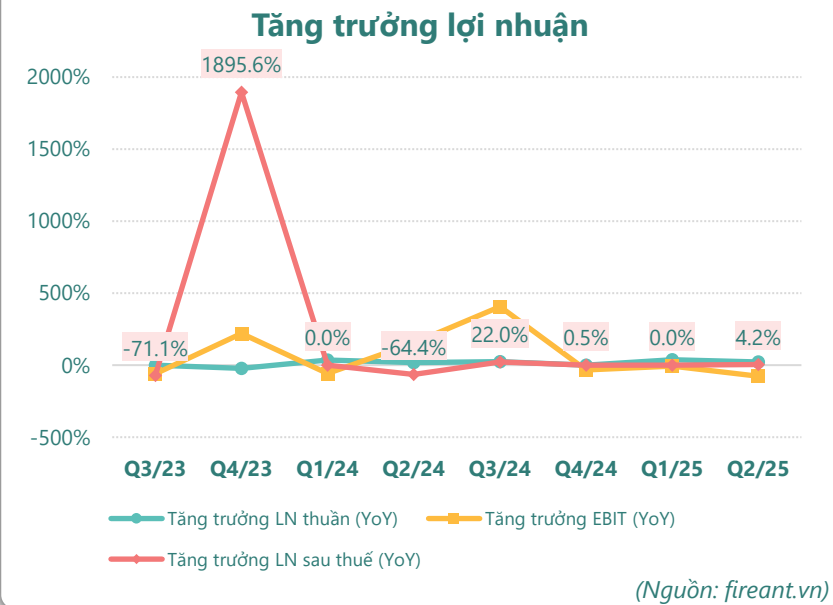
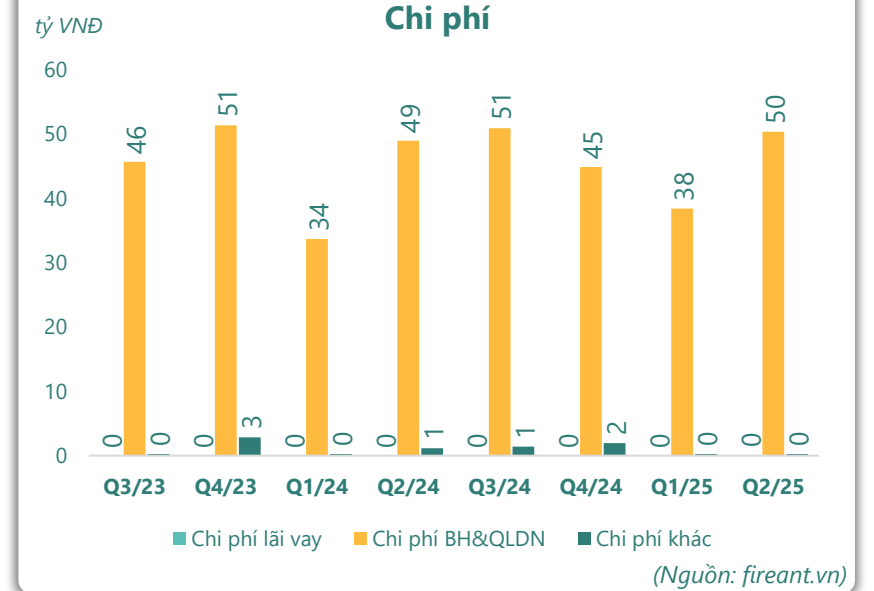
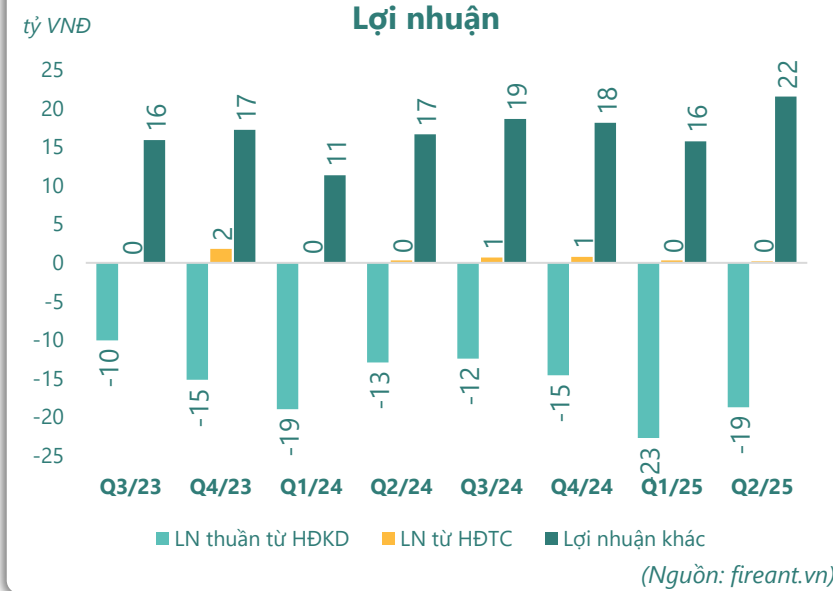
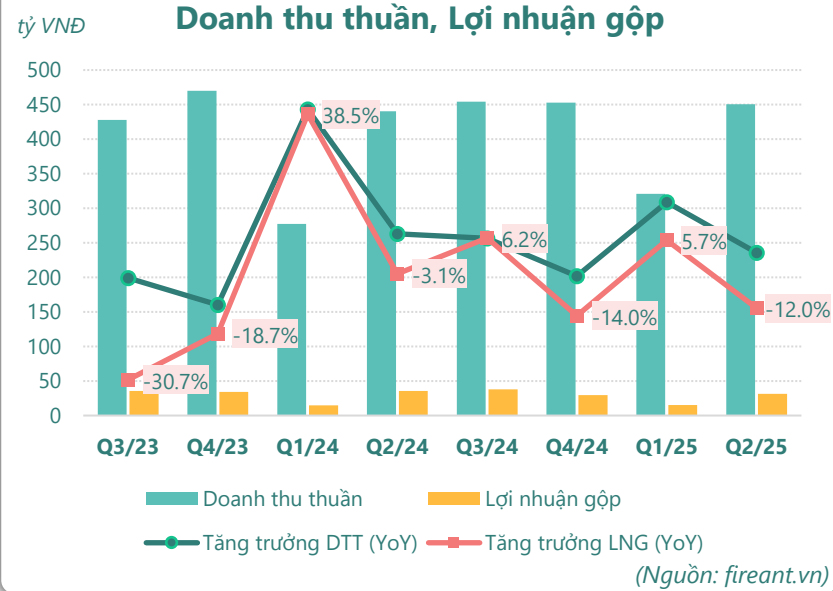
DT thuần 6T 2025
771
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 53.0 7.5%

LN thuần 6T 2025
-41.4
tỷ VNĐ
YoY: ▼9.50 -29.9%

LN sau thuế 6T 2025
-4.40
tỷ VNĐ
YoY: ▼0.47 -12.1%



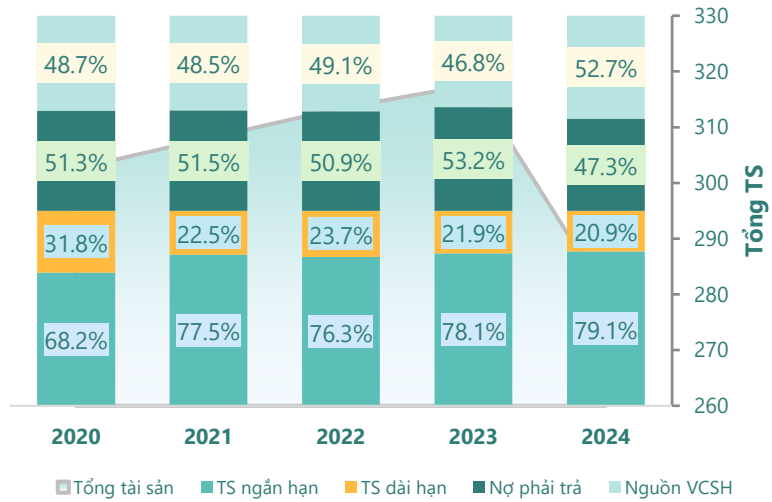
KẾT QUẢ KINH DOANH



TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

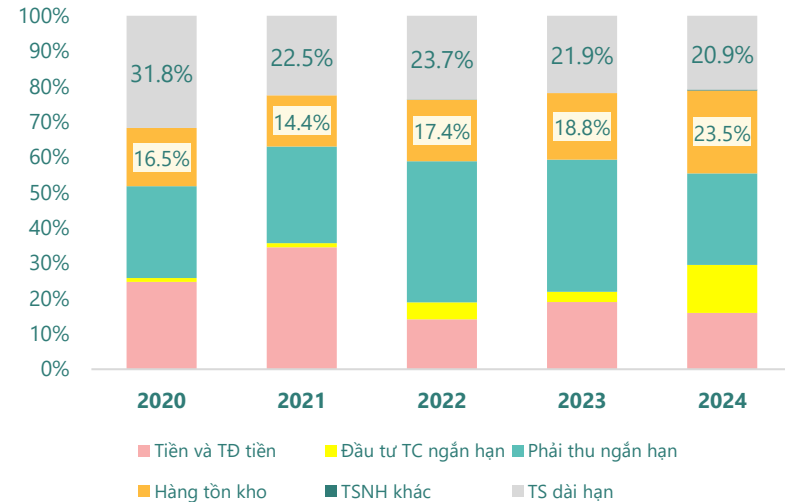
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

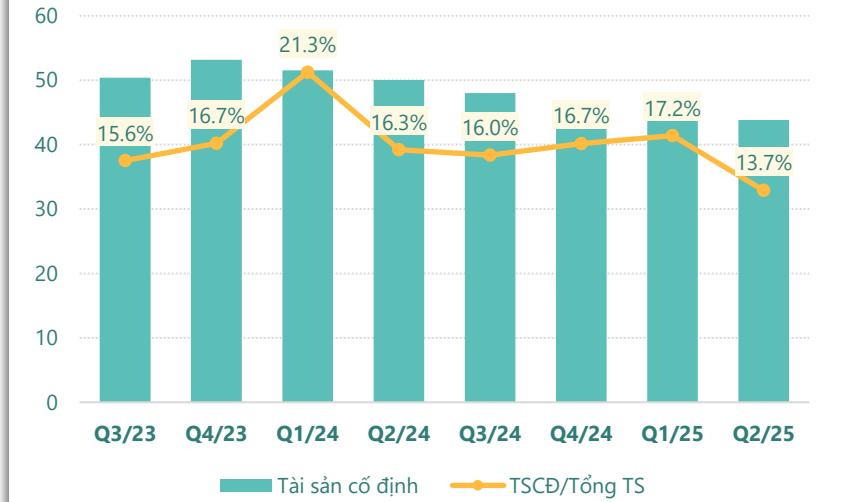
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

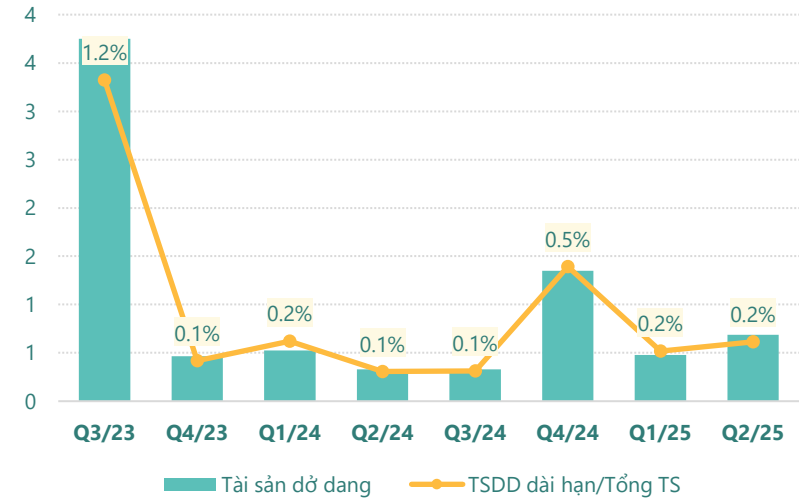
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

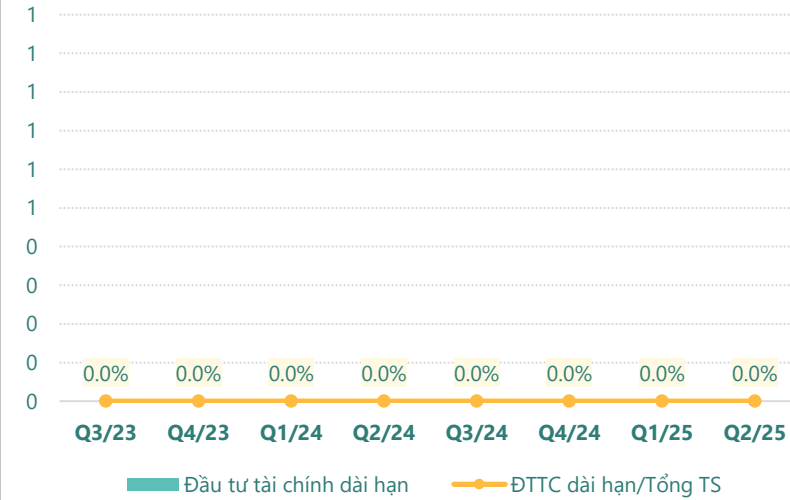
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

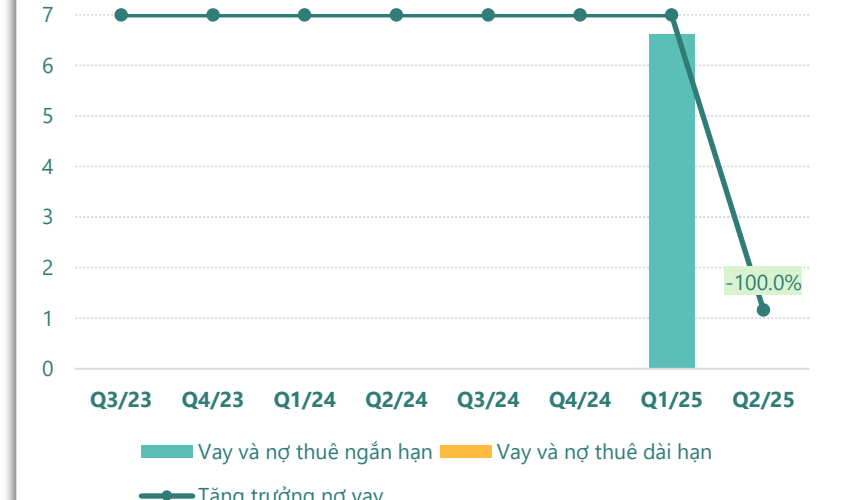
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

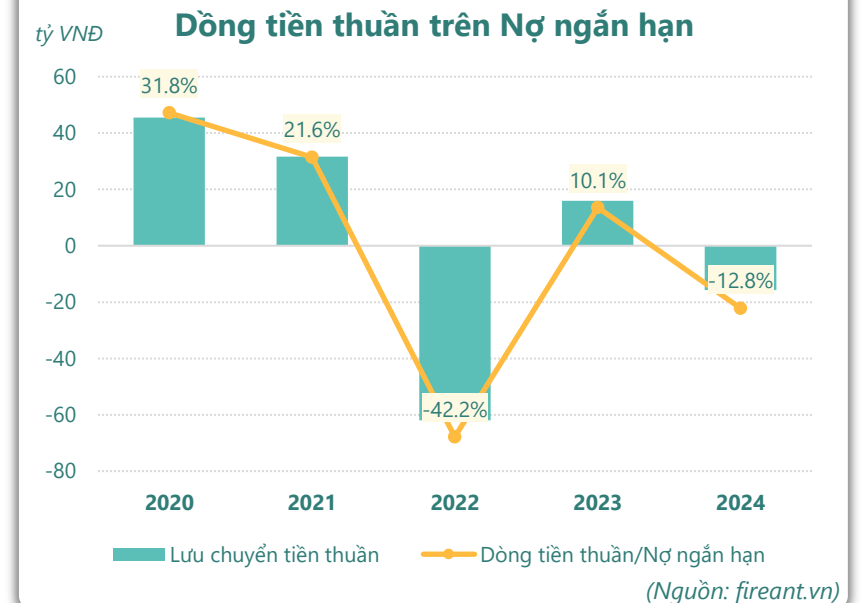
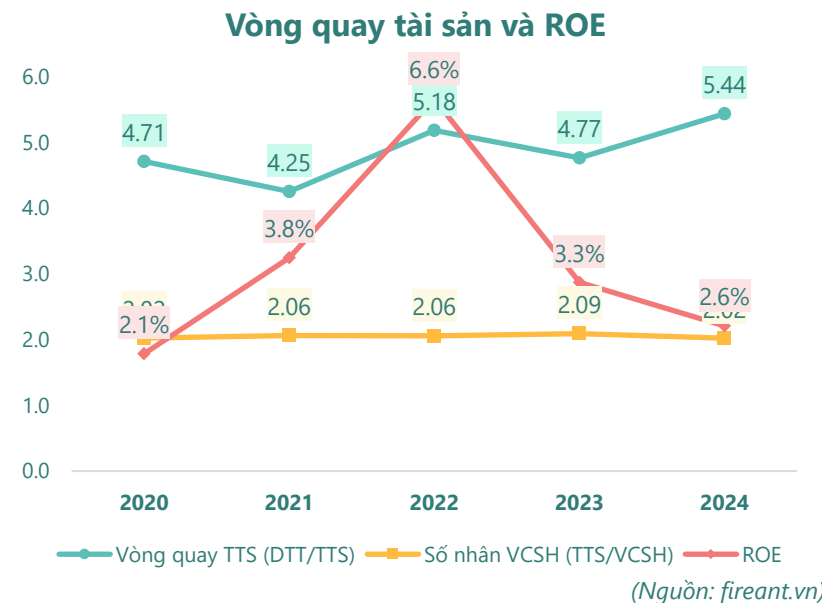
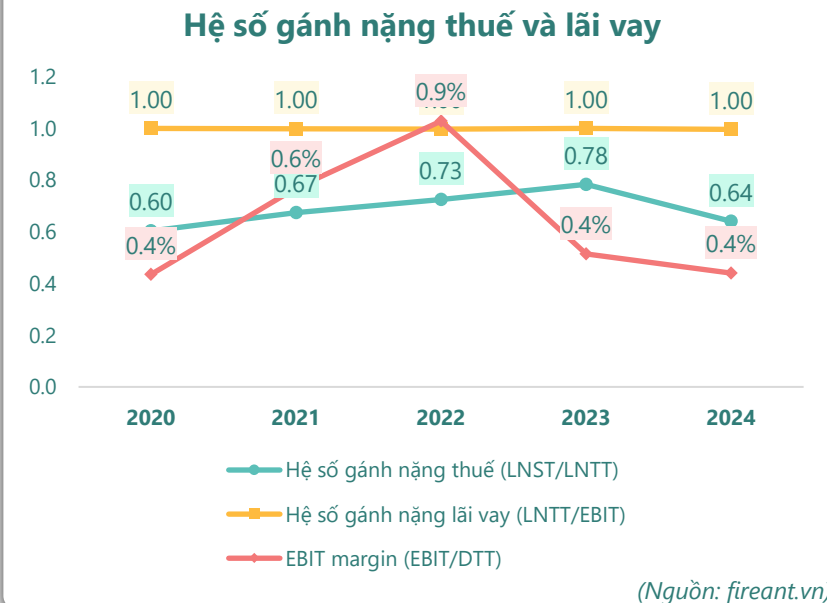
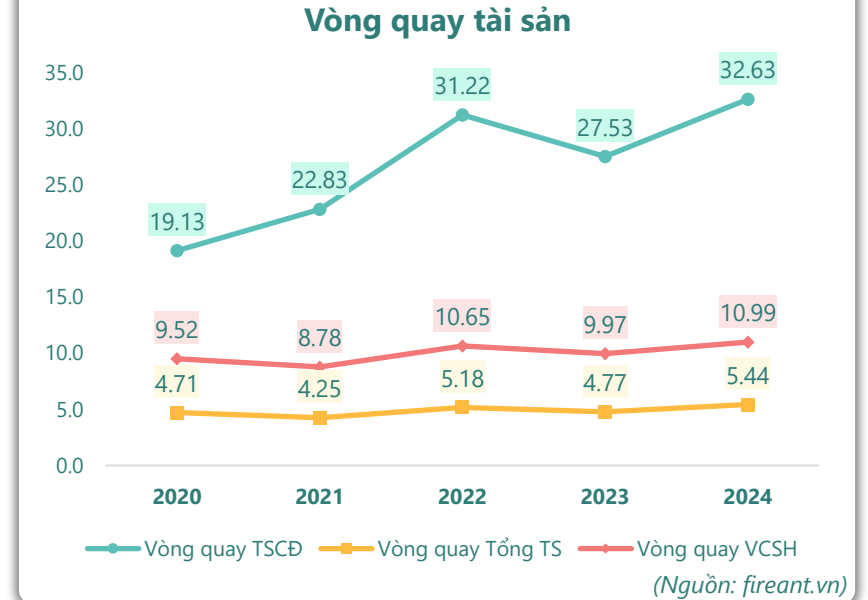
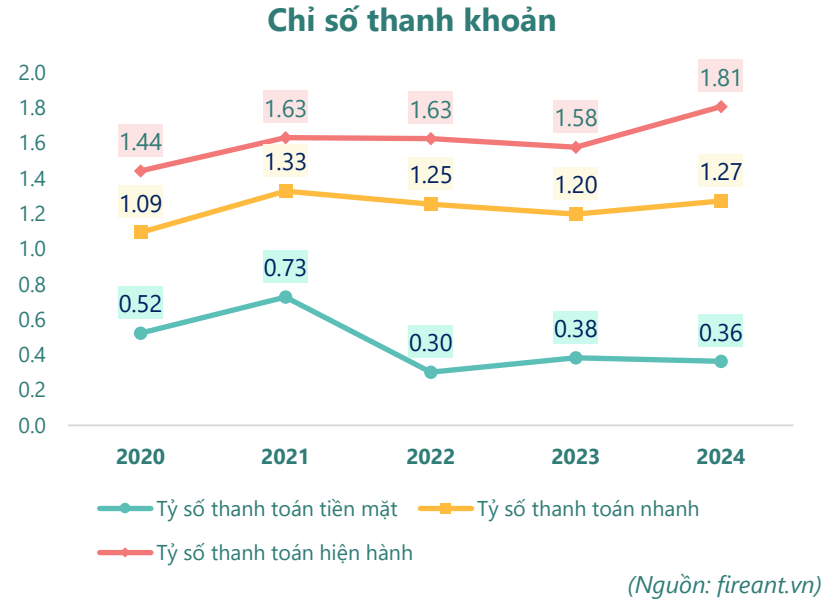
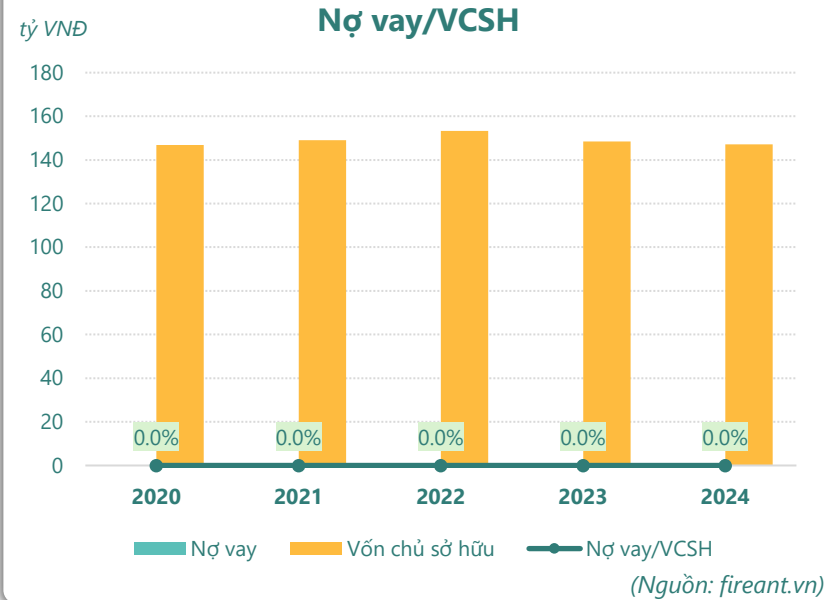
Nợ vay

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG





KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)	Q2/25	Q2/24	Thay đổi YoY	6T 2025	6T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	451	440	2.4%	771	718	7.5%
Giá vốn hàng bán	419	404	3.8%	725	667	8.6%
Lợi nhuận gộp	31.5	35.8	-12.0%	46.9	50.4	-6.9%
Doanh thu HĐTC	0.25	0.31	-18.7%	0.56	0.42	34.7%
Chi phí TC	0.06	0.00		0.06	0	
Chi phí lãi vay	0.06	0.00		0.06	0	
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	38.6	39.0	-1.1%	68.0	64.9	4.8%
Chi phí QLDN	11.8	10.0	18.5%	20.8	17.8	16.9%
LN thuần từ HĐKD	-18.7	-12.9	-45.2%	-41.4	-31.9	-29.9%
Lợi nhuận khác	21.6	16.6	29.9%	37.3	28.0	33.2%
LN trước thuế	2.84	3.74	-24.2%	-4.11	-3.89	-5.7%
Lợi nhuận sau thuế	2.62	3.72	-29.7%	-4.40	-3.93	-12.1%
LNST của CĐ cty mẹ	2.62	3.72	-29.7%	-4.40	-3.93	-12.1%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-23.3	44.5	13.4	-15.4	-24.9	7.75
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.73	-41.6	-25.9	35.7	15.0	-0.60
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	0	-2.48	-1.46	6.60	-6.60
Tiền đầu kỳ	60.3	37.7	40.6	25.7	44.5	41.3
Lưu chuyển tiền thuần	-22.6	2.93	-14.9	18.8	-3.23	0.54
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	37.7	40.6	25.7	44.5	41.3	41.8

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	320	280	14.3%
Tài sản ngắn hạn	260	222	17.4%
Tiền và tương đương tiền	41.8	44.5	-6.0%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	23.2	38.1	-39.1%
Phải thu ngắn hạn	144	72.5	98.8%
Hàng tồn kho	50.8	65.7	-22.6%
Tài sản ngắn hạn khác	0.01	0.72	-98.2%
Tài sản dài hạn	59.9	58.5	2.5%
Phải thu dài hạn	0.01	0.01	0.0%
Tài sản cố định	43.8	46.4	-5.4%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0.69	1.35	-49.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	15.4	10.8	42.8%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	178	132	34.2%
Nợ ngắn hạn	167	123	36.1%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	43.1	6.58	555%
Nợ dài hạn	10.9	9.86	10.9%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	142	148	-3.6%
Vốn chủ sở hữu	142	147	-3.6%
Vốn điều lệ	114	114	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0.39	0.39	0.0%

(Nguồn: fireant.vn)

